

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG CÓ ĐÁP ÁN

Câu 1: Trình bày nội dung, ý nghĩa cương lĩnh chính trị tháng 2/1930?

Nội dung cơ bản của chính cương như sau:

- Xác định phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam: "Đảng chủ trương làm cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"
- Xác định những nhiệm vụ cụ thể của cách mạng tư sản dân quyền: đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến đem lại độc lập dân tộc.

Xác định lực lượng của cách mạng bao gồm toàn thể nhân dân Việt Nam yêu nước trong đó lấy thiên binh công nông làm; còn học trò nhỏ, nhà vua nhỏ, điền chủ nhỏ chỉ là bầu bạn mà thôi.

- Xác định vai trò lãnh đạo cách mạng: là giai cấp công nhân với đội tiên phong Đảng cộng sản. Lấy chủ nghĩa Mác-Lenin làm nền tảng tư tưởng, làm kim chỉ nam cho mọi hành động.
- Xác định mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới: Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, có mối liên hệ mật thiết với các dân tộc bị áp bức và quần chúng vô sản trên thế giới nhất là quần chúng vô sản pháp.

*** Ý nghĩa của chính cương**

- Là cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng ta. Trở thành ngọn cờ tập hợp, đoàn kết toàn dân.
- Là một cương lĩnh cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại mới, mang đậm tính giai cấp và thấm đượm tinh thần dân tộc vì độc lập tự do.
- Đường lối chiến lược, sách lược của Đảng thể hiện trong cương lĩnh vẫn tất là mục tiêu lý tưởng của Đảng, phù hợp và đáp ứng đúng nguyện vọng của giai cấp công nhân, các tầng lớp nhân dân lao động và của toàn dân tộc.
- Tính đúng đắn của chính cương đã được kiểm nghiệm bởi chính lịch sử.

Câu 2: Tại sao nói ĐCSVN ra đời đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam?

Trước khi Đảng ra đời trước năm 1930 nước ta rơi vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng về đường lối và giai cấp lãnh đạo tiên tiến. Biểu hiện: các phong trào đấu tranh diễn ra liên tiếp mạnh mẽ quật khởi nhưng đều thất bại (khởi nghĩa của Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Phong trào Cần Vương, cuộc đấu tranh của PBC và PCT), từ năm 1930 khi Đảng ta ra đời với chính cương sách lược văn tắt của Nguyễn Ái Quốc và luận cương của Trần Phú đã chỉ ra đường lối đúng đắn cho CMVN đó là: Tiến hành cuộc CM tư sản dân quyền, CM ruộng đất sau đó tiến thẳng lên CMXH bỏ qua tư bản chủ nghĩa. Như vậy sự ra đời của Đảng đã chấm dứt thời kỳ khủng hoảng đường lối và giai cấp mở ra 1 thời kỳ mới. CMVN dưới sự lãnh đạo của ĐCS VN theo chủ nghĩa Mác Lênin.

Trước khi Đảng ra đời CM nước ta chưa tập hợp được toàn bộ các lực lượng đoàn kết chống xâm lược. Biểu hiện: những nhà lãnh đạo đã kêu gọi quần chúng nhân dân đấu tranh chống Pháp giành độc lập kêu gọi chống phong kiến để giành ruộng đất chưa chú ý đến nguyện vọng của nhân dân nên không tập hợp được đông đảo quần chúng. Khi Đảng ra đời đã xây dựng đc 1 lực lượng CM mới bao gồm mọi tầng lớp nhân dân mà nòng cốt là liên minh công nông, Đảng đã thực hiện đồng thời 2 khẩu hiệu : " Độc lập dân tộc", " ruộng đất cho dân cày" đáp ứng đc nguyện vọng của nhân dân và đã xây dựng đc trên thực tế khối liên minh công nông vững chắc.

Trước năm 1930 các cuộc đấu tranh nổ ra đều chưa có phương pháp CM đúng đắn. Biểu hiện: hình thức đấu tranh vũ trang của các cuộc khởi nghĩa nổ ra lẻ tẻ, đơn độc chiến thuật thì thủ hiểm, phòng ngự bị động nên bị thất bại (VD như Phong trào Cần Vương) hay hoạt động của PBC lại muốn dựa vào Nhật để đánh Pháp giành độc lập, PCT muốn xin Pháp thực hiện nhiều cải cách dân chủ kết cục đều bị bế tắc hoặc hùng cứ 1 phương như Hoàng Hoa Thám với khởi nghĩa Yên Thế sau gần 30 năm cũng bị thất bại. Sau khi Đảng ta ra đời đã xây dựng đc phương pháp CM đúng đắn: phải dựa vào chính sức mình, dựa vào 2 lực lượng cơ bản: lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, sử dụng 2 hình thức đấu tranh chủ yếu: đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, Đảng cũng nhấn mạnh CM muốn thành công phải nổ ra đúng thời cơ và có sự chuẩn bị chu đáo.

Trước năm 1930 các nhà lãnh đạo CM cũng ra nước ngoài tìm bạn đồng minh chống giặc như Phan Đình Phùng, PBC, PCT nhưng đều không thành công. Sau khi Đảng ra đời đưa CMVN trở thành bộ phận khăng khít của CMTG tức là góp phần vào sự nghiệp chung của CMTG và ngược lại nhận được sự đồng tình giúp đỡ của CMTG. Như vậy Đảng ra đời đã xây dựng được bạn đồng minh mới tạo nên sức mạnh tổng hợp trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930 là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc trong thời đại mới; là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác- Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam; là kết quả của quá trình lựa chọn, sàng lọc nghiêm khắc của lịch sử; là kết quả của quá trình chuẩn bị đầy đủ về chính trị, tư tưởng và tổ chức của các chiến sĩ cách mạng đứng đầu là Bác Hồ kính yêu của chúng ta.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chứng tỏ rằng: Giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành, đủ sức lãnh đạo cách mạng. Đó cũng là cột mốc lớn đánh dấu bước ngoặt trọng đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước kéo dài mấy chục năm đã được giải quyết. Từ đây, cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, một Đảng Mác- Lênin chân chính với đường lối cách mạng khoa học và sáng tạo là cơ sở lý luận vững chắc đảm bảo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, đáp ứng đầy đủ yêu cầu của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và công cuộc phát triển của đất nước.

Câu 3: Trình bày ý nghĩa cách mạng tháng 8 năm 1945?

Ý nghĩa của CMT8 năm 1945:

Một là: CMT8 thắng lợi là bước nhảy vọt vĩ đại, đánh dấu một cuộc biến đổi cực kỳ to lớn trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Nó phá tan xiềng xích nô lệ

của Phát xít Nhật và ách thống trị của thực dân Pháp lật đổ chế độ phong kiến, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa - nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Đó là nhà nước kiểu mới, nhà nước thực sự là của dân, do dân và vì dân. Từ đây dân tộc Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội, mở ra một thời đại mới, kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội. Với ý nghĩa đó, cách mạng tháng tám thành công nhà nước kiểu mới ra đời, mở đầu cho những thắng lợi tiếp theo của CMVN.

Hai là: CMT8 thành công lật đổ ách thống trị Phát Xít, thực dân, phong kiến, đưa đất nước từ 1 nước thuộc địa nửa phong kiến trở thành một nước tự do độc lập; đưa dân tộc ta lên hàng ngũ các dân tộc tiên phong trên thế giới. Lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân ta từ người nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Đảng ta từ một Đảng hoạt động không hợp pháp trở thành một Đảng lãnh đạo chính quyền trong cả nước. Đây là cuộc đổi đời chưa từng thấy của nhân dân Việt Nam.

CMT8 chẳng những có ý nghĩa quan trọng đối với dân tộc mà còn có ý nghĩa quốc tế rộng lớn:

Thắng lợi của CMT8 là thắng lợi của CN Mac-Lênin ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, nó chứng tỏ rằng trong thời đại ngày nay, một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở một nước thuộc địa do toàn dân nổi dậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản, có đường lối CM đúng đắn, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại hoàn toàn có khả năng giành thắng lợi cuối cùng.

Cách mạng tháng 8 thắng lợi mở ra thời kỳ suy sụp, tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi thế giới, báo hiệu thời kỳ giải phóng của các dân tộc bị áp bức đã đến, thúc đẩy mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ. Với thắng lợi CMT8, nhân dân Việt Nam đã góp phần xương máu của mình vào cuộc chiến đấu đánh thắng hoàn toàn chủ nghĩa Phát xít trên thế giới. Thắng lợi đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các nước thuộc địa, nhất là các nước thuộc địa và phụ thuộc ở Đông Nam Á, đấu tranh chống bọn thực dân, phát xít giành độc lập. Đánh giá về CMT8, Hồ Chí Minh đã viết: "Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử CM của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một đảng mới 15 năm tuổi đã lãnh đạo CM thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc".

Thắng lợi của CMT8 năm 1945 và việc thành lập nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một trong ba thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta trong thế kỷ 20, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đây là kết quả tổng hợp của các phong trào CM liên tục diễn ra trong 15 năm sau ngày thành lập Đảng, từ cao trào Xô Viết Nghệ Tĩnh, cuộc vận động dân chủ 1936 -1939 đến giải phóng dân tộc 1939-1945 mặc dù CM có lúc bị chìm trong máu lửa. Chế độ thuộc địa nửa phong kiến ở nước ta bị xóa bỏ, một kỷ nguyên mới mở ra, kỷ nguyên của độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội.

Câu 4: Chủ trương linh hoạt của Đảng trong việc giải quyết giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm sau cách mạng tháng 8 năm 1945?

Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Trong những năm 1945 – 1946, trước sự bao vây của các thế lực thù địch cũng như những khó khăn trên tất cả các lĩnh vực cầu đời sống kinh tế - xã hội, Đảng CS Đông Dương và chủ tịch Hồ Chí Minh linh hoạt khơi dậy sức mạnh của toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ như diệt giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm.

Diệt giặc đói: đây là nhiệm vụ cấp bách, Đảng và chính phủ vận động toàn dân tham gia sản xuất, tiết kiệm lương thực, kêu gọi nhường cơm sẻ áo “hũ gạo tình thương”, “ngày đồng tâm”, với khẩu hiệu “không một tấc đất bỏ hoang” nhanh chóng gieo trồng cây lương thực, hoa mùa, tịch thu ruộng đất của bọn Việt gian chia cho nông dân, giảm tô thuế ... Nhờ vậy sản xuất nông nghiệp được khôi phục nạn đói bị đẩy lùi.

Diệt giặc dốt:

- 8/9 lập Nha Bình dân học vụ chuyên lo công tác chống nạn mù chữ
- Đến tháng 3/1946 ở Bắc bộ và Bắc Trung bộ có 3 vạn lớp học với 81 vạn học viên. Nội dung và phương pháp được đổi mới theo tinh thần dân tộc và dân chủ.

Khắc phục khó khăn về tài chính:

- Chính phủ kêu gọi tinh thần tự nguyện đóng góp của nhân dân trong cả nước. Hưởng ứng xây dựng “quỹ độc lập”, “tuần lễ vàng” do chính phủ phát động, nhân dân ta tự nguyện đóng góp 370 kg vàng và 20 triệu đồng.
- 31/1/1946 phát hành giấy bạc Việt Nam

Ý nghĩa: có ý nghĩa chính trị to lớn: làm nổi bật tính ưu việt của chế độ mới; xây dựng vững chắc khối liên minh công nông; giải quyết được những quyền lợi cơ bản cho người dân, nhân dân càng gắn bó và tin tưởng vào Đảng và chính phủ.

Câu 5: Trình bày nội dung, ý nghĩa cương lĩnh chính trị tháng 2/1951?

Nội dung cương lĩnh:

Xác định tính chất của xã hội Việt Nam: Tính dân chủ, 1 phần thuộc địa, nửa phong kiến => Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân: thành lập chính quyền do nhân dân lao động đứng đầu, ban hành hiến pháp, đem lại quyền lợi cho quần chúng nhân dân.

Xác định kẻ thù: kẻ thù chính là TD Pháp và can thiệp Mỹ, kẻ thù phụ là bọn tay sai.

Xác định nhiệm vụ: cách mạng lúc này có 3 nhiệm vụ:

- Tiêu diệt đế quốc xâm lược, đánh đổ bọn bù nhìn việt gian bán nước làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập.
- Xóa bỏ những tàn tích phong kiến làm cho dân cày có ruộng.
- Gây dựng mầm mống cho CNXH ở Việt Nam.

Xác định lực lượng cách mạng: bao gồm toàn thể nhân dân Việt Nam yêu nước, lấy liên minh công – nông – trí thức làm nòng cốt.

Lãnh đạo cách mạng: cách mạng muốn thành công phải có sự lãnh đạo của ĐCS. Đảng lấy CN Mac – Lenin, tư tưởng Stalin, tư tưởng Mao Trạch Đông làm nền tảng tư tưởng, làm kim chỉ nam cho mọi hành động.

- Xác định đặc điểm của cách mạng Việt Nam: CM VN lúc này là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đem lại quyền dân chủ cho nhân dân và do nhân dân tiến hành (chính là cách mạng tư sản dân quyền).

- Đoàn kết quốc tế: cách mạng Việt Nam phải đẩy mạnh đoàn kết với các lực lượng dân chủ, yêu chuộng hòa bình trên thế giới nhất là đoàn kết với các nước XHCN. Xây dựng tình đoàn kết Việt – Xô – Trung, Việt – Miên – Lào.

Cương lĩnh 1951 là sự bổ sung, phát triển cương lĩnh 1930 thể hiện trên những mặt sau:

- Đưa thêm lực lượng trí thức vào lực lượng nông công.

- Xác định thêm kẻ thù của VN lúc này có thêm can thiệp Mỹ.

- Hoàn thiện khái niệm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, mở rộng phạm vi quan hệ đoàn kết quốc tế.

- Hạn chế, sai lầm: đó là đã đưa tư tưởng Stalin, tư tưởng Mao Trạch Đông làm nền tảng tư tưởng, làm kim chỉ nam cho mọi hành động của dân tộc ta.

Câu 6: Phân tích vai trò của Đảng trong kháng chiến chống Pháp?

Kháng chiến toàn dân: Là toàn dân tham gia kháng chiến, trong đó lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Đường lối này xuất phát từ truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc, mục đích của cuộc kháng chiến là "cách mạng là sự nghiệp của quần chúng" của chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng "chiến tranh nhân dân" của chủ tịch Hồ Chí Minh. Muốn phát huy sức mạnh của toàn dân kháng chiến phải đánh lâu dài, muốn có lực lượng đánh lâu dài thì phải huy động lực lượng toàn dân.

Có toàn dân tham gia mới thực hiện được kháng chiến toàn diện, tự lực cánh sinh.

- Kháng chiến toàn diện: Bao gồm các mặt quân sự, kinh tế, chính trị, văn hóa, ngoại giao. Phải kháng chiến toàn diện vì địch đánh ta toàn diện nên ta phải chống lại chúng toàn diện. Ta vừa kháng chiến vừa kiến quốc mặt khác kháng chiến toàn diện sẽ tạo điều kiện cho nhân dân ta đóng góp cho cách mạng theo sức của mình.

- Kháng chiến trường kì: Đây là chủ trương sáng tạo của Đảng trên cơ sở vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh của nước ta bấy giờ. Đồng thời phát huy truyền thống của dân tộc lấy yếu chống mạnh, lấy chính nghĩa thắng hung tàn. Mặt khác về lực lượng của ta không đc tinh nhuệ, thiện chiến qua đào tạo bài bản như địch cho nên ta đánh lâu dài để chuyển hóa lực lượng, làm cho địch yếu dần, ta sẽ tiến lên đánh bại địch. Càng kéo dài quân địch càng lung lay và khẳng định đc rằng cuộc cách mạng của ta là chính nghĩa.

- Tự lực cánh sinh: Tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế. Đảng ta đề ra chủ trương này vì ta hiểu rõ mối quan hệ giữa các yếu tố khách quan và chủ quan trong đó yếu tố chủ quan giữ vai trò quan trọng nhất. Chỉ có nỗ lực của bản thân đất nước thì cuộc cách mạng mới có chỗ dựa vững chắc, phát huy đc hết sức mạnh của mình, mặc dù ta vẫn coi trọng các yếu tố bên ngoài.

Tình hình và nhiệm vụ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945

Cánh mạng tháng Tám năm 1945 đã mở ra thời kỳ phát triển lịch sử mới cho dân tộc Việt Nam. Trong dòng thác chung của tiến trình phát triển cách mạng thế giới lúc ấy, cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam đứng trước bối cảnh đặc biệt.

* Tình hình quốc tế

Sau Cách mạng tháng Mười Nga, nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới ra đời. Từ thành trì cách mạng của thế giới đó, trong Chiến tranh thế giới thứ hai, một loạt nước được Hồng quân Liên Xô giải phóng khỏi ách phát xít đã đứng vào hàng ngũ các nước xã hội chủ nghĩa. Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu trở thành trụ cột cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và bảo vệ hòa bình của nhân dân thế giới.

Cách mạng giải phóng dân tộc của các nước trên thế giới làm lung lay hệ thống chủ nghĩa thực dân cũ.

Phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ của công nhân, nhân dân lao động, của các Đảng Cộng sản ở nhiều nước tư bản, có tác động mạnh đến chính sách đối nội, đối ngoại của các thế lực đang cầm quyền trong hệ thống tư bản chủ nghĩa. Hệ thống các nước đế quốc chủ nghĩa có thay đổi vị trí: Các nước phát xít bị bại trận, các đế quốc đại diện cho chủ nghĩa thực dân kiểu cũ như Anh, Pháp suy yếu; Mỹ trở thành đế quốc lớn nhất, có sức chi phối hệ thống đế quốc và đang trở thành sen đầm quốc tế.

Cuộc đấu tranh giữa cách mạng và phản cách mạng, giữa phong trào giải phóng dân tộc chống ách thực dân, giữa thế lực đế quốc cũ và mới là nội dung chính của tiến trình lịch sử thế giới kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Tình hình đó tác động sâu sắc đến lịch sử Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám.

* Tình hình trong nước

Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa non trẻ vừa ra đời, vừa phải đối phó với nhiều kẻ thù. Ở miền Bắc, với danh nghĩa Đồng minh giải giáp quân Nhật, 20 vạn quân Tưởng vào đóng quân từ bắc vĩ tuyến 16 đến biên giới Việt-Trung. Quân Tưởng tìm mọi cách lật đổ chính quyền cách mạng, tạo điều kiện cho lực lượng tay sai lên nắm chính quyền.

Với danh nghĩa giải giáp quân Nhật, quân đội Anh vào đóng ở miền Nam, đã giúp quân Pháp trở lại xâm lược Việt Nam. Họ trang bị lại vũ khí cho cả quân Nhật để sử dụng chúng tiếp sức cho Pháp. Được sự ủng hộ của quân đội Anh, ngay trong ngày 2-9-1945, quân Pháp đã nổ súng giết hàng chục người khi đồng bào ta đang mít tinh mừng ngày độc lập ở Sài Gòn. Ngày 23-9-1945, Pháp tiến công Sài Gòn, mở đầu cuộc xâm lược nước ta lần hai.

Sự hiện diện và hoạt động của hàng chục vạn quân Tưởng, Anh, Pháp, Nhật trên nước ta đã tạo điều kiện cho tay sai của chúng, gồm Việt Quốc, Việt Cách... chống phá cách mạng ráo riết.

Tình hình phức tạp, cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù đã đặt ra muôn vàn khó khăn cho chính thể cộng hòa non trẻ Việt Nam.

Trong khi đó, nền kinh tế Việt Nam kiệt quệ, tiêu điều bởi hậu quả của chính sách cai trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật. Mọi ngành kinh tế ngừng trệ, bế tắc. Tài

chính quốc gia trống rỗng. Các loại tiền mất giá của quân đội Tưởng được tung vào thị trường càng làm cho tài chính Việt Nam khó khăn hơn. Nạn đói năm 1945 làm cho gần hai triệu người chết chưa khắc phục xong, thì nguy cơ nạn đói mới lại đe dọa nhân dân. Chế độ thực dân để lại nhiều hậu quả xã hội nặng nề. Nổi bật nhất là trên 90% nhân dân mù chữ.

Cách mạng vừa thành công, thể chế dân chủ cộng hoà chưa được củng cố, đã phải đương đầu với khó khăn từ mọi phía. Đây là thời kỳ vận mệnh dân tộc ở thể “ngàn cân treo sợi tóc”.

Trước tình hình đó, Đảng và Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu đã củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và bằng tài trí, kiên cường, đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc vượt qua chặng đường lịch sử khó khăn nhất.

Câu 7: Vì sao Đảng quyết định đổi mới đất nước? Trình bày đường lối đổi mới kinh tế của Đại hội VI (1986)?

Đảng quyết định đổi mới đất nước:

- Nguyên nhân khách quan:

Từ đầu thập kỷ 70 của thế kỷ XX, thế giới lâm vào khủng hoảng kinh tế trầm trọng, hầu hết các nước trên thế giới đều tiến hành cải cách chính sách kinh tế xã hội.

Ở các nước TBCN: tăng ngân sách cho quỹ phúc lợi xã hội, đồng thời chú trọng đến phát triển kinh tế theo chiều sâu (đầu tư kỹ thuật, tăng tỷ lệ chất xám trong sản phẩm, tiết kiệm nguyên liệu).

Ở các nước XHCN: Liên Xô lâm vào khủng hoảng kinh tế trầm trọng từ 1985, Gorbachop tiến hành cải tổ đất nước, tuy nhiên mắc phải sai lầm là đi cải tổ chính trị đến cải tổ kinh tế => LX ngày càng khủng hoảng trầm trọng. TQ từ 1978 cải cách mở cửa cho kinh tế tư nhân phát triển, mở rộng giao lưu hợp tác nước ngoài, kinh tế từng bước được khôi phục. Như vậy từ đầu thập kỷ 70 cải cách đổi mới là vấn đề sống còn với các nước trên thế giới trong đó có VN.

Cuộc cách mạng KHCHN phát triển mạnh mẽ vừa tạo ra thời cơ, vừa tạo ra thách thức đối với nền kinh tế tất cả các nước trên thế giới, do vậy yêu cầu cần phải điều chỉnh để thích nghi.

Thành công của các nước công nghiệp mới ở ĐNA gợi ra thách thức và giải pháp đối với những nước như VN: mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế đã trở thành nhu cầu tự thân bên trong đối với nền kinh tế nông nghiệp vốn mang tính khép kín tự cấp tự cấp của VN.

- Nguyên nhân chủ quan:

Mô hình CNXH đang xây dựng ở nước ta đã bị lạc hậu buộc chúng ta phải xây dựng mô hình CNXH mới.

Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng gây tâm lý hoang mang trong một bộ phận Đảng viên về con đường đi lên CNXH ở VN. Đổi mới trở thành vấn đề sống còn đối với sự tồn tại của CNXH ở VN.

Đường lối đổi mới kinh tế của Đại hội VI (1986):

Đổi mới về cơ cấu kinh tế: đổi mới cơ cấu ngành kinh tế tập trung phát triển 3 chương trình kinh tế lớn là lương thực thực phẩm - hàng tiêu dùng - hàng xuất khẩu. Đây là sự cụ thể hóa nội dung công nghiệp hóa XHCN trong chặng đường đầu tiên.

Đổi mới về cơ cấu thành phần kinh tế: thừa nhận sự tồn tại của nền kinh tế nhiều thành phần với những hình thức sở hữu. Đại hội 6 coi nền kinh tế nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ, thừa nhận ở nước ta đang tồn tại 5 thành phần kinh tế: KT quốc doanh - KT tập thể - KT cá thể tự chủ - KT TBTN - KT TBNN. Trong đó kinh tế quốc doanh nắm vai trò chủ đạo. Thừa nhận sự tồn tại của nhiều hình thức sở hữu gắn với các thành phần kinh tế.

Đổi mới về cơ chế quản lý kinh tế: Đảng ta chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý vĩ mô của Nhà nước theo định hướng XHCN (thời kỳ trước tập trung cơ chế quan liêu bao cấp).

Câu 8: Sự giống và khác nhau của Cương lĩnh đầu tiên và Luận cương chính trị tháng 10/1930?

Trả lời:

Nguồn gốc của hai văn kiện:

- Cương lĩnh đầu tiên do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và được thông qua tại hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 3/2/1930.

- Luận cương chính trị do Trần Phú soạn thảo tháng 10/1930.

2. Cương lĩnh đầu tiên và Luận cương chính trị về cơ bản là thống nhất trên những nội dung chính yếu về đường lối cách mạng:

- Con đường cách mạng: tư sản dân quyền CM và thổ địa cách mạng.
- Mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng: đều chống đế quốc và chống phong kiến.
- Lực lượng cách mạng: công nông là thành phần chính.
- Phương pháp cách mạng: Bạo lực cách mạng.
- Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới.
- Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng.
- Cả hai đều đứng trên lập trường GCCN.

3. Luận cương chính trị đã có sự kế thừa, bổ sung, phát triển Cương lĩnh đầu tiên trên những nội dung cơ bản sau:

- Làm sâu sắc thêm mối quan hệ giữa hai giai đoạn cách mạng là cách mạng TSDQ và cách mạng XHCN:

+ CLĐT xác định: TSDQCM kết hợp với thổ địa cách mạng để đi tới XHCS.

+ LCCT xác định: TSDQCM kết hợp với thổ địa cách mạng để đi tới XHCS bỏ qua TBCN.

Điều kiện bỏ qua chế độ TBCN: phải có chính quyền; Đảng nắm quyền lãnh đạo, có khối liên minh công - nông vững chắc; có sự giúp đỡ của các nước XHCN.

- Phương pháp cách mạng: đã xác định rõ nguyên tắc và nghệ thuật khởi nghĩa vũ trang, điều kiện để nhận biết tình thế và thời cơ xuất hiện tình thế.

+ Dùng sức mạnh bạo lực cách mạng của quần chúng dưới khởi nghĩa vũ trang là con đường cơ bản giành chính quyền.

+ Điều kiện: kẻ thù hoang mang đến cực độ; tầng lớp trung gian ngã về phía cách mạng; quần chúng cách mạng đã sẵn sàng và đội tiên phong đã sẵn sàng.

+ Lúc chưa có tình thế cách mạng thì Đảng phải lãnh đạo đấu tranh cho khẩu hiệu “phần ít” tức là mục tiêu đấu tranh “dân sinh, dân chủ”, hình thức công khai, hợp pháp. Khi có tình thế và thời cơ xuất hiện thì phải lập tức lãnh đạo dân chúng cướp chính quyền.

+ Việc khởi nghĩa không phải việc thường mà phải theo “khuôn phép nhà binh”, tức là có nghệ thuật, tuân theo qui luật khách quan.

- LCCT đã xác định những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng:

+ Đảng phải có đường lối chính trị đúng, có kỷ luật tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng và từng trải trong đấu tranh cách mạng.

+ Phải là đội tiên phong của vô sản giai cấp, lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm gốc.

Những hạn chế của LCCT:

- Luận cương chính trị mới dừng lại ở tầm chiến lược về giải quyết nhiệm vụ cơ bản của CMTSDQ là đánh đồng thời cả đế quốc và phong kiến, nhưng chưa chỉ ra được mục tiêu chủ yếu, nhiệm vụ chủ yếu là đặt nhiệm vụ đánh đế quốc giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

- Chưa đánh giá đúng khả năng cách mạng của giai cấp tiểu tư sản, khả năng chống đế quốc của GCTS dân tộc và 1 bộ phận giai cấp địa chủ phong kiến. Do vậy, chưa phát huy được tinh thần đoàn kết, mở rộng lực lượng đoàn kết toàn dân để tiến hành CMTSDQ.

- Chưa chỉ ra được kẻ thù chủ yếu cần tập trung lực lượng cách mạng để đánh đổ, chưa xác định được sách lược lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù.

Sự khác nhau: LCĐT do ĐCS Việt Nam thông qua, còn LCCT do ĐCS Đông Dương thông qua.

Nguyên nhân hạn chế:

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Những người cộng sản lúc bấy giờ chưa nắm chắc và phân tích sâu sắc tình hình thực tế một nước thuộc địa nửa phong kiến, chưa nhận thức sâu sắc đặc điểm truyền thống dân tộc, chưa từng trải trong đấu tranh cách mạng.

+ Việc nhận định đánh giá tình hình chung của Quốc tế cộng sản, vận dụng kinh nghiệm cách mạng thế giới và lý luận Mác-Lênin chưa linh hoạt, sáng tạo.

- Nguyên nhân khách quan:

+ Do ảnh hưởng của quốc tế cộng sản, lúc đó đang nhấn mạnh vấn đề ĐTGC

+ Thực tiễn cách mạng vô sản thế giới chưa từng có tiền lệ về sự liên minh giai cấp vô sản với giai cấp tư sản dân tộc thành công.

+ Ở Việt Nam, trong thời điểm đó GCTS và TTS dân tộc chưa bộ lộ rõ mặt tích cực và nhiệt huyết cách mạng.

Tuy LCCT có một số hạn chế nhất định, song những vấn đề bổ sung và phát triển của LCCT là rất cơ bản. Điều đó khẳng định LCCT đã trung thành và kế thừa CLĐT của Đảng, giữa hai văn kiện không có sự đối lập và mâu thuẫn.

Ý nghĩa:

- Phương pháp luận: để có đường lối hoàn chỉnh, đúng đắn nó phải có 1 quá trình hình thành, phát triển.

- Sự bổ sung phát triển của LCCT so với CLĐT có nhiều mặt tích cực, đúng đắn song CLĐT cũng có những hạn chế nhất định.

- Ngày nay, để có đường lối đúng đắn phải không ngừng bổ sung, phát triển phù hợp với điều kiện phát triển của lịch sử.

Câu 9: Sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng trong các HNTW6 (11/1939), TW7 (11/1940), TW8 (5/1941).

Trả lời:

1. Khái quát hoàn cảnh lịch sử thế giới và Việt Nam:

01/9/1939, Đức tấn công Ba Lan, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Để phục vụ cho chiến tranh, thực dân Pháp thực hiện những chính sách cực kỳ phản động, giải tán ĐCS Pháp và các ĐCS ở các nước thuộc địa, thủ tiêu quyền tự do dân chủ nhân dân. Ở Đông Dương, chúng thực hiện những chính sách cai trị tàn bạo, điên cuồng tấn công hồng tiêu diệt ĐCSĐD và các đoàn thể do Đảng lãnh đạo. Chúng thực hiện chính sách khủng bố, ban hành lệnh động viên, ra sức bắt người, cướp của phục vụ cho chiến tranh, làm cho đời sống nhân dân ta rất điều đứng, bộ mặt xâm lược của bọn đế quốc phản động tay sai bị phơi bày càng làm cho quần chúng sục sôi, căm thù, “đẩy nhanh quá trình cách mạng hóa quần chúng”, báo hiệu sẽ bùng nổ cao trào cách mạng mới ở Đông Dương.

2. Cơ sở xác định nội dung chuyển hướng chỉ đạo chiến lược:

Do tác động của cuộc chiến tranh thế giới, ở Việt Nam tình thế cách mạng xuất hiện, vấn đề chính quyền trực tiếp đặt ra. Năm vững thực tế đó, BCHTW, liên tiếp họp ba hội nghị Trung ương: HNTW 6 (11/1939), HNTW7 (11/1940) và HNTW8 (5/1941), đề ra chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng.

3. Nội dung cơ bản của chủ trương chỉ đạo chuyển hướng chiến lược:

Đảng ta chủ trương, đặt nhiệm vụ chống đế quốc, tay sai, giải phóng dân tộc lên hàng đầu, tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất. Tức là nhiệm vụ chống phong kiến và các nhiệm vụ dân chủ khác phải rải ra thực hiện từng bước, phục tùng và phục vụ nhiệm vụ chống đế quốc.

Đảng khẳng định vấn đề sống còn của các dân tộc Đông Dương lúc này phải tập trung lực lượng đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng dân tộc. Trên cơ sở đó, tạo

điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ dân chủ. Đây là nội dung quan trọng nhất trong chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng thời kỳ 1939-1945. Thực chất là Đảng đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và giai cấp, dân tộc và dân chủ. Như vậy, cách mạng giải phóng dân tộc ở Đông Dương lúc này vẫn bao hàm hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến, đó là hai nhiệm vụ cơ bản của cách mạng dân tộc dân chủ có quan hệ mật thiết với nhau.

Để tập trung lực lượng cách mạng thực hiện thắng lợi chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, Đảng quyết định thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận dân chủ Đông Dương (sau đổi tên thành Mặt trận Việt Minh), nòng cốt là liên minh công – nông, dưới sự lãnh đạo của Đảng nhằm tập hợp và động viên toàn dân đứng lên đấu tranh giải phóng dân tộc.

Về phương pháp cách mạng: Các HNTW 6, 7, 8 đều thống nhất chuyển hướng tổ chức và hình thức đấu tranh từ công khai, hợp pháp sang đấu tranh bí mật, bất hợp pháp; chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm lúc này; dự kiến khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền sẽ đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa trong cả nước.

Về công tác xây dựng Đảng: Làm cho Đảng có đủ năng lực lãnh đạo cuộc cách mạng Đông Dương đi đến toàn thắng, gấp rút đào tạo cán bộ, tăng phần vô sản trong Đảng, giúp Đảng bộ Campuchia, Lào kiện toàn tổ chức.

Về vấn đề dân tộc trên bán đảo Đông Dương: Đảng chủ trương vấn đề độc lập dân tộc phải đặt trong phạm vi mỗi nước, do vậy mỗi nước lập một mặt trận dân tộc thống nhất riêng.

Ý nghĩa lịch sử:

Chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược thời kỳ 1931-1945 của Đảng là hoàn toàn đúng đắn, sáng tạo, đánh dấu sự trưởng thành của Đảng về giải quyết mối quan hệ giữa chiến lược, chỉ đạo chiến lược trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Những nội dung chuyển hướng chỉ đạo chiến lược đó là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến thắng lợi của cao trào cách mạng 1939-1945 và Tổng khởi nghĩa tháng 8/1945, giành chính quyền trong cả nước.

Là cơ sở lý luận và thực tiễn để Đảng ta tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Câu 10: Đảng giải quyết mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược chống đế quốc và chống phong kiến trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân?

Trả lời:

1. Khái quát xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX:

Dưới ách thống trị của đế quốc và phong kiến, với truyền thống yêu nước quật cường, vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, nhân dân Việt Nam đã đứng lên chống đế quốc, tay sai theo nhiều khuynh hướng tư tưởng khác nhau. Các trào lưu yêu nước đã diễn ra sôi nổi, dù theo hệ tư tưởng phong kiến hay khuynh hướng dân chủ tư sản đều thất bại. Cách mạng Việt Nam đứng trước cuộc khủng hoảng sâu

sắc về đường lối cứu nước. Trong hoàn cảnh đó, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn.

2. Quá trình nhận thức:

- CLĐT (2/1930): CMTSDQ có 2 nhiệm vụ chống đế quốc, chống phong kiến để giành độc lập dân tộc, ruộng đất cho dân cày. Trong đó đã hình thành tư tưởng đặt nhiệm vụ chống đế quốc lên hàng đầu.

- LCCT (10/1930): Tiếp tục khẳng định trong CMTSDQ đánh đổ đồng thời cả đế quốc và phong kiến, hai nhiệm vụ đó liên hệ chặt chẽ với nhau, nhưng chưa chỉ ra tư tưởng chỉ đạo là đặt nhiệm vụ chống đế quốc, diệt gian, tay sai giải phóng dân tộc lên hàng đầu mà CLĐT đã xác định. Đây là một trong những hạn chế của LCCT.

- NQTV 6 (11/1939), NQTV7 (11/1940), NQTV8 (5/1941): khẳng định CMTSDQ phải đánh đổ đồng thời cả đế quốc và phong kiến, đó là nguyên tắc chiến lược, nhưng về chỉ đạo chiến lược phải đặt lên hàng đầu chống đế quốc và tay sai phản động, tạm gác khẩu hiệu ruộng đất. Tuy nhiên, chỉ đạo chiến lược về đánh phong kiến chưa cụ thể.

- Đại hội II (2/1951): CMDTDCND là đánh đổ đồng thời đế quốc và phong kiến. Hai nhiệm vụ đó quan hệ chặt chẽ với nhau, là nguyên tắc chiến lược không được thay đổi trong CMDTDCND. Nhưng trong chỉ đạo chiến lược phải đặt nhiệm vụ chống đế quốc giải phóng dân tộc lên hàng đầu, chống phong kiến tiến hành từng bước có kế hoạch phục vụ nhiệm vụ chống đế quốc. Đến khi hoàn thành nhiệm vụ chống đế quốc thì nhiệm vụ chống phong kiến cũng cơ bản hoàn thành.

3. Mối quan hệ:

a. Chống đế quốc và chống phong kiến phải tiến hành đồng thời, hai nhiệm vụ này có quan hệ chặt chẽ với nhau.

- Xuất phát từ tính chất xã hội thuộc địa nửa phong kiến, tồn tại hai mâu thuẫn cơ bản giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc, tay sai, giữa nhân dân Việt Nam với đế quốc, phong kiến. Trong đó, mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn giữa dân tộc với đế quốc, phong kiến. Do vậy, cách mạng Việt Nam phải đánh đồng thời cả đế quốc và phong kiến, nhưng phải đặt lên hàng đầu nhiệm vụ đánh đế quốc.

- Đặc trưng của xã hội thuộc địa đó là sự câu kết giữa đế quốc và phong kiến.

- Mục tiêu của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân à dân tộc và dân chủ gắn bó chặt chẽ với nhau. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ này sẽ thực hiện được yêu cầu lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù (mâu thuẫn giữa đế quốc với địa chủ phong kiến, mâu thuẫn trong nội bộ giai cấp địa chủ phong kiến), cô lập kẻ thù chủ yếu, phân hóa giai cấp địa chủ phong kiến để tập hợp lực lượng, tranh thủ lực lượng cách mạng, bồi dưỡng lực lượng cách mạng.

- Đây là một nguyên tắc lãnh đạo cách mạng của Đảng ta.

- Thực tiễn đã cách mạng, trước năm 1930 các phong trào yêu nước chỉ thực hiện một tiêu à thất bại.

b. Đặt nhiệm vụ chống đế quốc, tay sai, giải phóng dân tộc lên hàng đầu:

- Đế quốc và phong kiến câu kết chặt chẽ với nhau.

- Vấn đề dân tộc là vấn đề bao trùm
- Mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội đó là mâu thuẫn giữa dân tộc với đế quốc, tay sai.
- Thực tiễn ba cao trào cách mạng đã cách mạng.

c. Đánh đế quốc phải tiến hành từng bước, có kế hoạch:

- Đánh đế quốc là một nhiệm vụ chiến lược à phải đánh đổ cả cơ sở kinh tế và kiến trúc thượng tầng.
- Do quan điểm làm suy yếu từng bước tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn.
- Tập hợp được lực lượng rộng rãi, làm suy yếu kẻ thù.

Đánh phong kiến theo ba bước:

- + Đánh đổ bộ máy chính quyền phong kiến, tay sai, tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc, việt gian, tay sai chia cho dân cày nghèo;
- + Thực hiện giảm tô, giảm tức, hoãn nợ, xóa nợ cho dân cày nghèo và làm suy yếu giai cấp địa chủ phong kiến;
- + Tiến hành cải cách ruộng đất đánh đổ toàn bộ giai cấp địa chủ, thực hiện triệt để khẩu hiệu người cày có ruộng.

4. Ý nghĩa:

Từ CLĐT đến Đại hội lần thứ hai của Đảng đánh dấu sự trưởng thành về năng lực tư duy của Đảng trong việc giải quyết mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược chống đế quốc và chống phong kiến trong CMDTDCND. Nó chẳng những đáp ứng yêu cầu trước mắt của cuộc kháng chiến chống Pháp, mà còn đáp ứng yêu cầu lâu dài của cách mạng Việt Nam.

- Phê phán tư tưởng sai trái (tách rời hai nhiệm vụ chiến lược hoặc đặt chúng ngang bằng nhau).
- Trong giai đoạn cách mạng hiện nay chúng ta cũng phải thường xuyên thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Câu 11: Phương pháp cách mạng bạo lực tổng hợp trong kháng chiến chống Mỹ có phát triển gì so với kháng chiến chống Pháp?

Trả lời:

1. Phương pháp cách mạng:

Phương pháp cách mạng là một phạm trù lý luận chính trị chỉ chung tất cả các những hình thức hoạt động, những cách thức tiến hành cách mạng mà chính đảng của giai cấp vô sản sử dụng, nhằm đưa đông đảo quần chúng tham gia đấu tranh giành và giữ chính quyền, thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng do đường lối chiến lược đề ra, đạt hiệu quả cao nhất.

2. Phương pháp bạo lực trong kháng chiến chống Pháp:

- Kết hợp chặt chẽ lực lượng chính trị với lực lượng quân sự, đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và ngoại giao. Trong đó đấu tranh quân sự giữ vai trò chủ yếu, quyết định thắng lợi, đấu tranh chính trị và ngoại giao có vai trò quan trọng.

Đấu tranh quân sự giữ vai trò chủ yếu, quyết định, bởi vì:

- + Thực dân Pháp xâm lược Việt Nam bằng chủ nghĩa thực dân cũ, thống trị nước ta nước ta bằng quân đội nhà nghề, đánh ta bằng biện pháp quân sự là chủ yếu.
- + LLVT nước ta từng bước được xây dựng, phát triển đủ sức đóng vai trò quyết định thắng lợi trên chiến trường.
- + Phù hợp với qui luật chiến tranh là mạnh được yếu thua, giải quyết thắng thua thông thường là cuộc đọ sức giữ hai lực lượng quân sự.

Đấu tranh chính trị và ngoại giao có vai trò quan trọng, hỗ trợ cho đấu tranh quân sự, bởi vì:

- + Đấu tranh chính trị để phá âm mưu bình định của địch, xây dựng địa bàn chính trị, mở rộng vùng tự do, tiến hành công tác binh vận, đấu tranh trực tiếp với Pháp ở các thành phố, ở vùng tự do thực hiện chính sách ruộng đất, cung cấp nhân lực, vật lực cho kháng chiến, là nơi che chở cho LLVT.
- + Đấu tranh ngoại giao, khi địch gặp khó khăn lớn, bị tiêu diệt nhiều sinh lực, bị sức ép nhiều mặt trong nước và nước ngoài buộc phải đàm phán à đấu tranh ngoại giao là phương pháp đấu tranh lợi hại à vạch trần âm mưu của địch, tranh thủ sự đồng tình của nhân dân Pháp và thế giới, phân hóa hàng ngũ kẻ thù.

- LLVT làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc, tiến công địch bằng cả ba thứ quân.
- Kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính qui.
- Kết hợp đánh lớn – đánh vừa – đánh nhỏ.

3. Sự phát triển phương pháp cách mạng bạo lực tổng hợp của Đảng trong kháng chiến chống Mỹ:

- Sử dụng bạo lực cách mạng với hai lực lượng, lực lượng chính trị quần chúng và LLVT nhân dân;
- Tiến hành khởi nghĩa từng phần ở nông thôn và từ khởi nghĩa từng phần phát triển thành chiến tranh cách mạng;
- Kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao;
- Kết hợp khởi nghĩa của quần chúng với chiến tranh cách mạng, nổi dậy và tiến công, tiến công và nổi dậy;
- Đánh địch trên cả ba vùng chiến lược, rừng núi, nông thôn, đồng bằng và thành thị;
- Đánh địch bằng 3 mũi giáp công: chính trị, quân sự, binh vận;
- Kết hợp ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích;
- Kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính qui, kết hợp đánh lớn, đánh vừa, đánh nhỏ;
- Thực hiện làm chủ để tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để làm chủ;
- Nắm vững phương châm chiến lược đánh lâu dài, đồng thời biết tạo thời cơ và nắm vững thời cơ mở những trận tiến công chiến lược làm thay đổi cục diện chiến

tranh, tiến lên thực hiện tổng tiến công và nổi dậy đê bẹp quân địch để giành thắng lợi cuối cùng.

* Khéo kết hợp chặt chẽ hai lực lượng, hai hình thức đấu tranh là nội dung cơ bản, trọng yếu của phương pháp bạo lực cách mạng trong kháng chiến chống Mỹ:

- Vị trí của hai lực lượng, hai hình thức đấu tranh:

Lực lượng chính trị và đấu tranh chính trị là một hình thức đấu tranh cơ bản, có ý nghĩa quyết định, nhưng phải kết hợp với đấu tranh quân sự mới có hiệu quả. Bởi vì:

+ Phong trào đấu tranh của quần chúng là một mũi tiến công lợi hại trong việc đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù.

+ Đấu tranh chính trị chỉ được coi là bạo lực khi có đủ ba điều kiện sau:

Giành được chính quyền

Trong cao trào cách mạng rộng lớn

Đấu tranh ngoài vòng pháp luật của giai cấp thống trị.

LLVT và đấu tranh quân sự là một hình thức đấu tranh cơ bản, có tác dụng quyết định trực tiếp đến việc tiêu hao, tiêu diệt lớn lực lượng địch, đập tan những âm mưu, hành động chiến tranh quân sự của chúng ở giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh, nó thường giữ vai trò trực tiếp quyết định thắng lợi, nhưng phải kết hợp với đấu tranh chính trị mới phát huy được tác dụng. Bởi vì:

+ Trong đấu tranh cách mạng thì đấu tranh quân sự của các LLVT có vai trò trực tiếp quyết định đến việc tiêu hao, tiêu diệt địch, đập tan ý đồ xâm lược...

+ Đấu tranh quân sự có vai trò hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền.

+ Đấu tranh quân sự thắng lợi sẽ tạo thế cho đấu tranh chính trị và và nhân sức mạnh của LLCT và hiệu quả đấu tranh chính trị.

+ Ở giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh, đấu tranh quân sự của các LLVT, đặc biệt là những quả đấm thép của các binh đoàn chủ lực cơ động thực hiện tiêu diệt lớn sẽ nhanh chóng làm tê liệt ý chí đê kháng của địch, tạo điều kiện thuận lợi để quần chúng nổi dậy đồng loạt giành chính quyền.

+ Đấu tranh quân sự tất yếu phải kết hợp với đấu tranh chính trị mới tạo ra sức mạnh tổng hợp đánh bại hoàn toàn quân địch.

* Từ khởi nghĩa từng phần à chiến tranh cách mạng; kết hợp khởi nghĩa của quần chúng với chiến tranh cách mạng là sự phát triển hợp qui luật của phương pháp bạo lực cách mạng ở miền Nam.

* Sự phát triển phong phú của phương pháp bạo lực cách mạng ở miền Nam còn thể hiện sinh động trong việc kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và ngoại giao.

* Kết hợp tinh thần cách mạng tiến công với những hình thức, được đi thích hợp trong phương châm chiến lược đánh lâu dài.

4. Những vấn đề vận dụng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay:

- Tiếp tục thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH, giữ vững ổn định chính trị-xã hội, không ngừng cải thiện đời sống nhân dân tạo ra nền tảng vững chắc cho việc phát huy sức mạnh tổng hợp.
- Tăng cường xây dựng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đây là nội dung cốt lõi trong việc phát huy sức mạnh tổng hợp hiện nay.
- Xây dựng LLVT cách mạng, xứng đáng là lực lượng nòng cốt trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đây là yếu tố căn bản.
- Đảng và nhà nước ta phải thường xuyên tổng kết thực tiễn, bổ sung hoàn chỉnh nội dung, biện pháp phát huy sức mạnh tổng hợp.

Câu 12: Những bài học kinh nghiệm chủ yếu của hai cuộc kháng chiến? Làm rõ bài học kinh nghiệm “Năm vững đường lối chính trị, đường lối chiến tranh cách mạng của Đảng trong 2 cuộc kháng chiến”?

Trả lời:

Với 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ (1945-1975), Đảng và nhân dân ta đã giành thắng lợi vĩ đại: hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, Tổ quốc thống nhất đi lên CNXH. Thắng lợi của hai cuộc kháng chiến có ý nghĩa sâu sắc đối với lịch sử dân tộc và mang tầm vóc thời đại. Qua đó để lại cho nhân dân ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.

- 1- Năm vững đường lối chính trị, đường lối chiến tranh cách mạng của Đảng trong 2 cuộc kháng chiến.
- 2- Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
- 3- Phát triển sáng tạo chiến lược tổng hợp của chiến tranh nhân dân Việt Nam.
- 4- Vũ trang toàn dân, xây dựng quân đội cách mạng kiểu mới.
- 5- Vừa kháng chiến vừa xây dựng chế độ mới.
- 6- Nâng cao sức chiến đấu, phát huy hiệu lực lãnh đạo của Đảng.

*** Phân tích: “Năm vững đường lối chính trị, đường lối chiến tranh cách mạng của Đảng trong 2 cuộc kháng chiến”.**

a. Cơ sở:

- Vị trí, vai trò của đường lối chính trị.
- Chiến tranh cách mạng là sự tiếp tục của chính trị bằng thủ đoạn khác - thủ đoạn bạo lực cách mạng à Năm vững đường lối chính trị à xác định đường lối chiến tranh đúng đắn, sáng tạo à thực hiện thắng lợi mục tiêu cách mạng đề ra.
- Thực tiễn 2 cuộc kháng chiến: đó là sự kế tục sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân mà Đảng đề ra từ 3/2/1930 và Cách mạng 8/1945. Đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ngày càng được bổ sung, phát triển.

b. Nội dung, yêu cầu:

- Năm vững đường lối chính trị, đường lối chiến tranh cách mạng của Đảng, trước hết được biểu hiện tập trung ở việc nắm vững và kiên định mục tiêu ĐLDT và CNXH

trên lập trường GCCN. Trong đó, đặt lên hàng đầu là mục tiêu giải phóng dân tộc, phát huy cao độ chủ nghĩa yêu nước chân chính, tinh thần quyết chiến, quyết thắng mọi kẻ thù xâm lược.

- Nắm vững và kết hợp chặt chẽ 2 nhiệm vụ chiến lược đánh đế quốc, đánh phong kiến để giành ĐLDT và dân chủ cho nhân dân (thực chất vấn đề dân chủ ở nước ta lúc đó là ruộng đất cho dân cày).

- Nắm vững đường lối tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng: Cách mạng XHCN ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam nhằm thực hiện mục tiêu chung là bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất tổ quốc, đưa cả nước đi lên CNXH.

- Kết hợp cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, hoàn thành nhiệm vụ dân tộc với làm tròn nhiệm vụ quốc tế.

c. Rút ra những vấn đề có thể vận dụng trong giai đoạn hiện nay:

- Nắm vững đường lối đổi mới.

- Thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Quan điểm tăng cường quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.